CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Thanh Hoa - Sông Đà

Ngày 30/09/2025	12,400 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**-**	**38.7%**

DT thuần
Q3/25
67.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▼53.6| -44.3%
YoY: ▲ 15.5| 29.8%

LN thuần
Q3/25
0.00
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.21| -98.7%
YoY: ▼0.24| -98.8%

LN sau thuế
Q3/25
0.17
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.07| -27.6%
YoY: ▼0.07| -27.6%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
2.0%
YoY: +/-▲ 0.8%

ROE (TTM)
Q3/25
2.5%
YoY: +/-▼ 0.2%

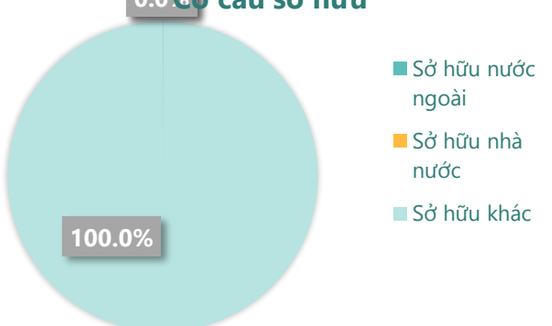
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	8,094 - 16,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	33
Số lượng CPLH (CP)	2,700,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.30
EPS	354
P/E	35.0

DT thuần
9T 2025
266
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 58.0| 27.9%

LN thuần
9T 2025
0.25
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.64| -72.0%

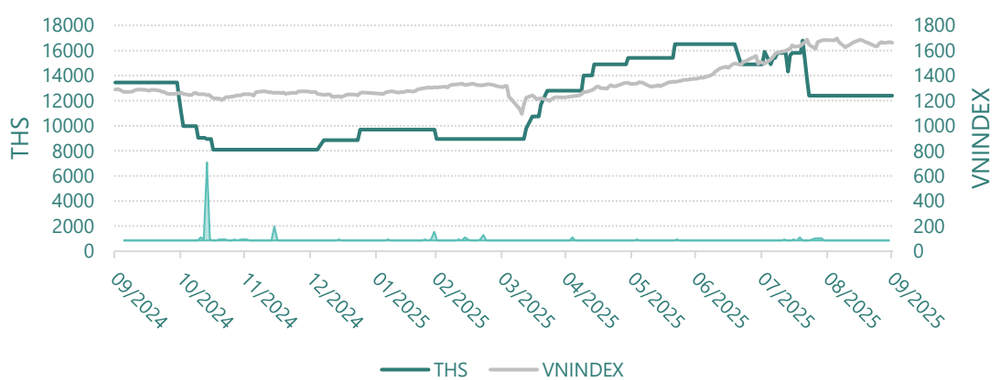
LN sau thuế
9T 2025
0.62
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.29| -31.6%

Cơ cấu sở hữu

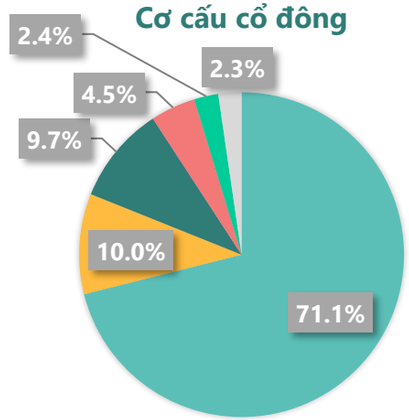


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

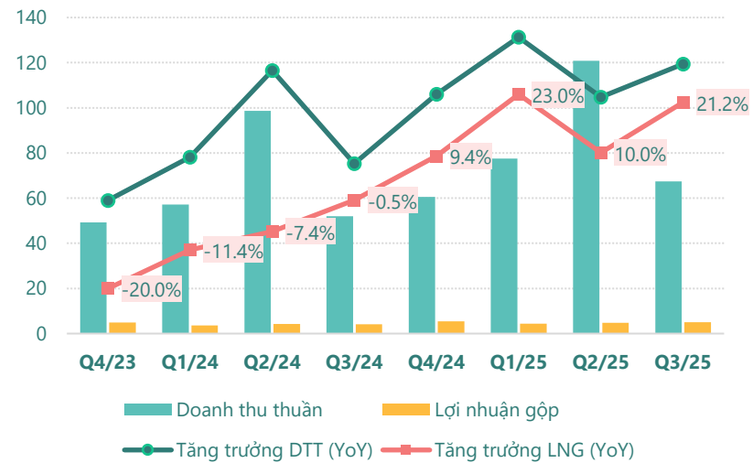




(Nguồn: fireant.vn)

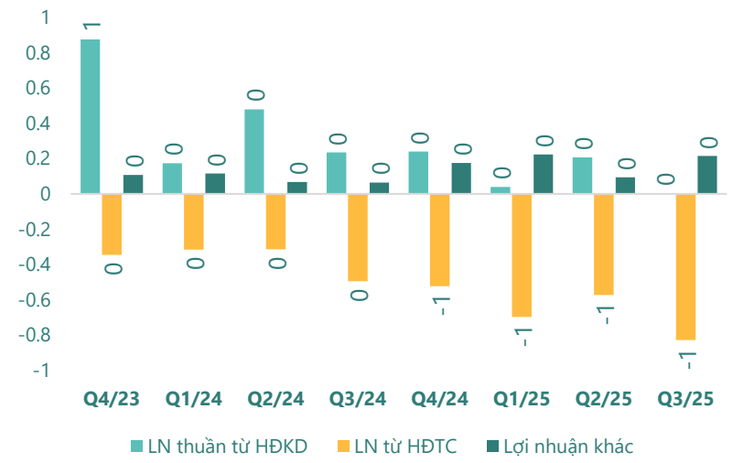
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



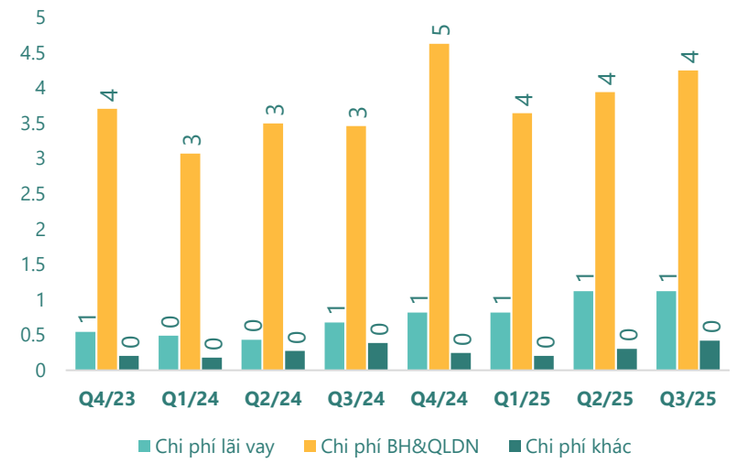
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



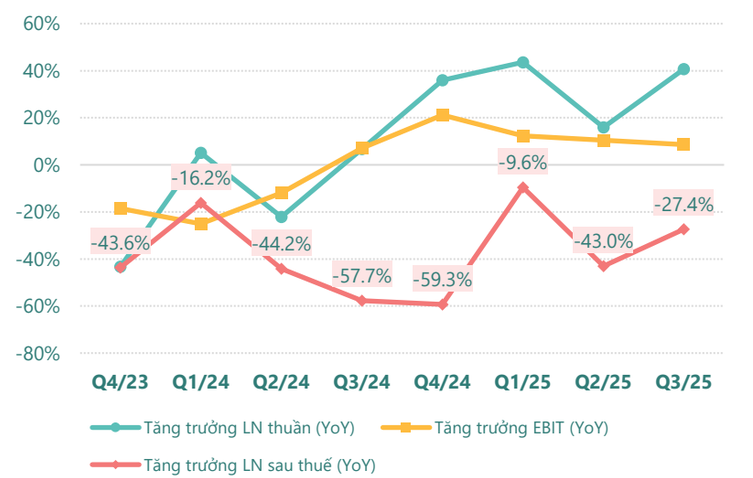
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



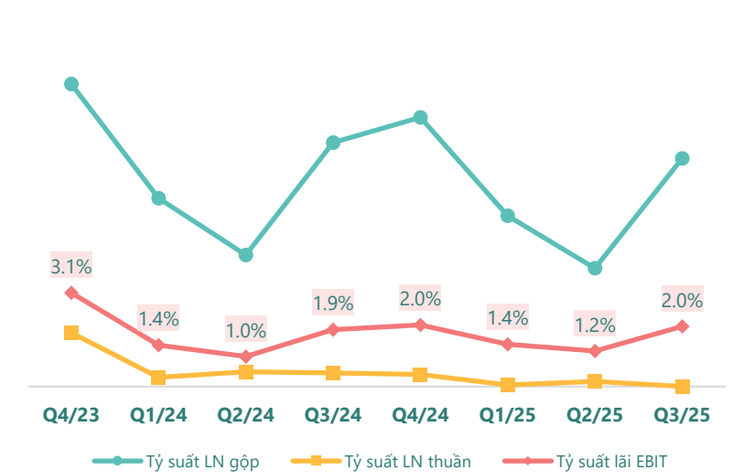
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



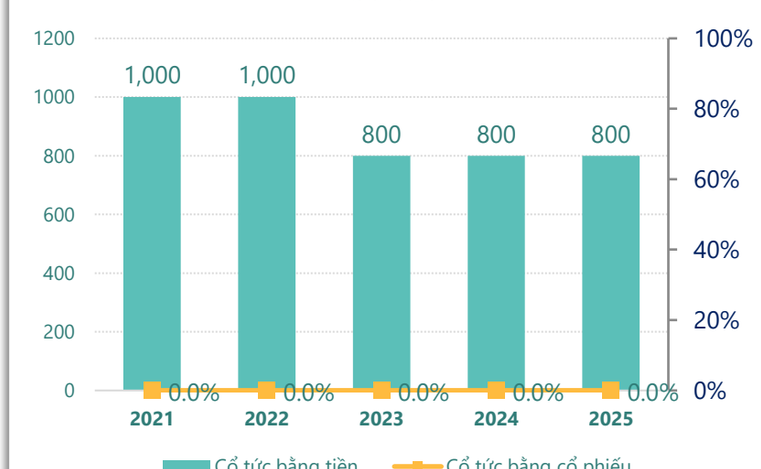
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

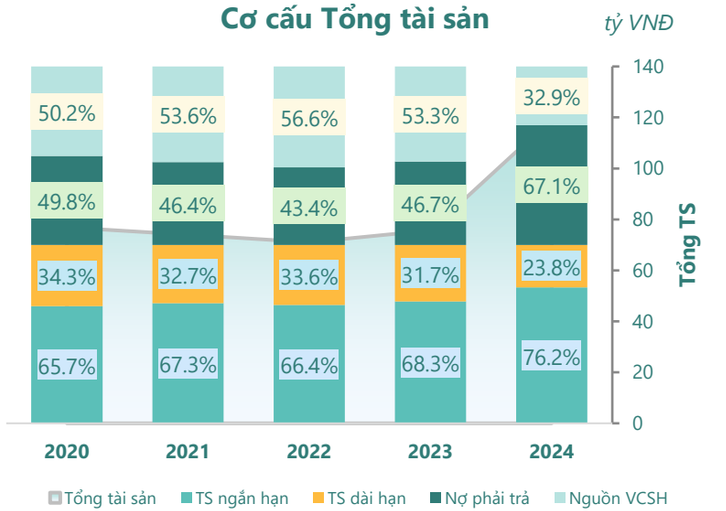
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

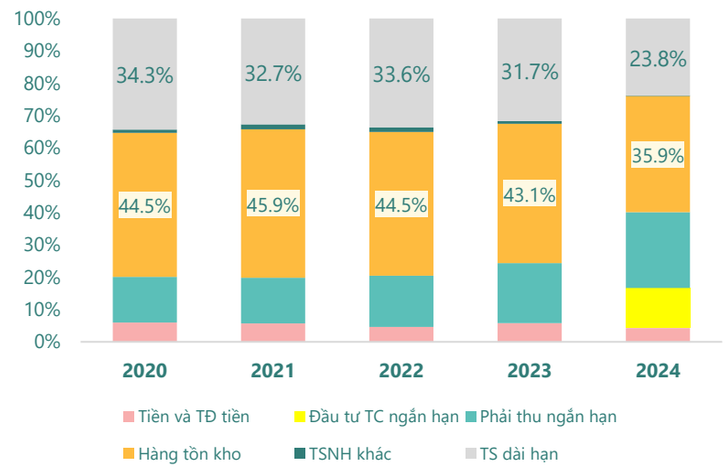
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



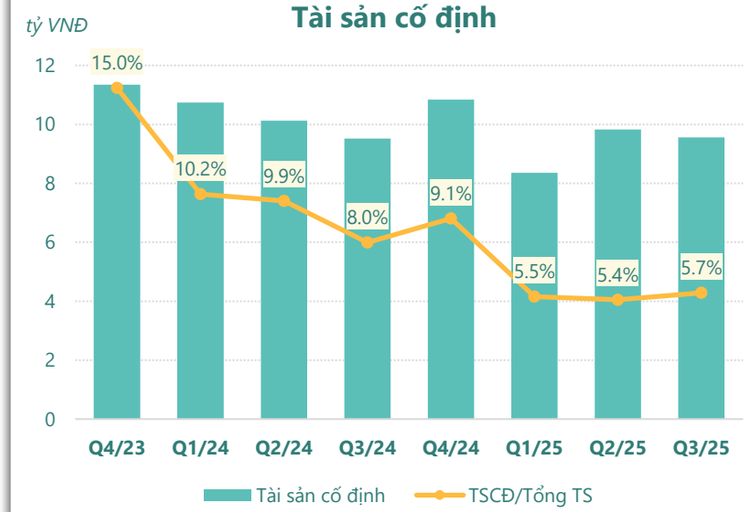
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



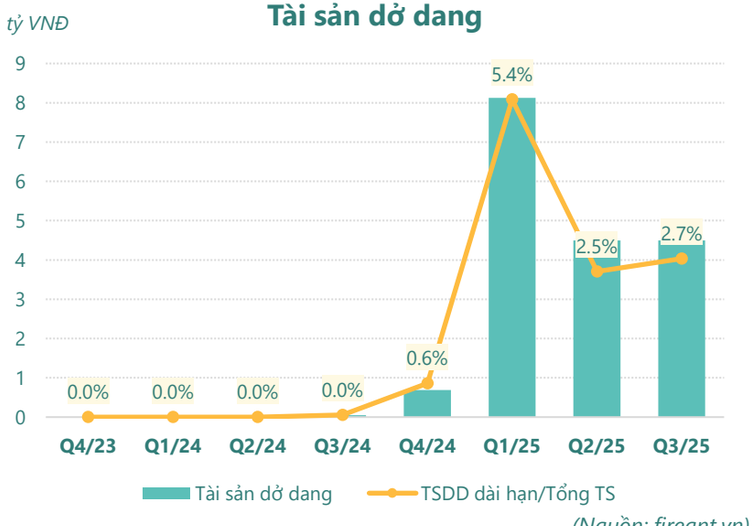
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



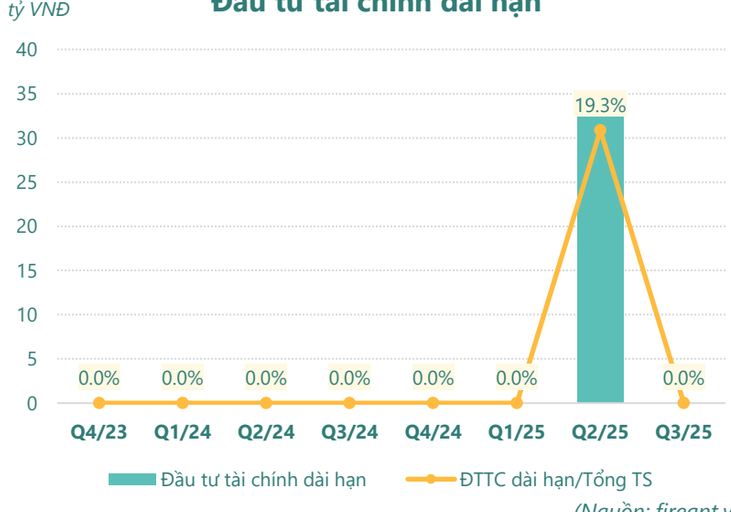
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



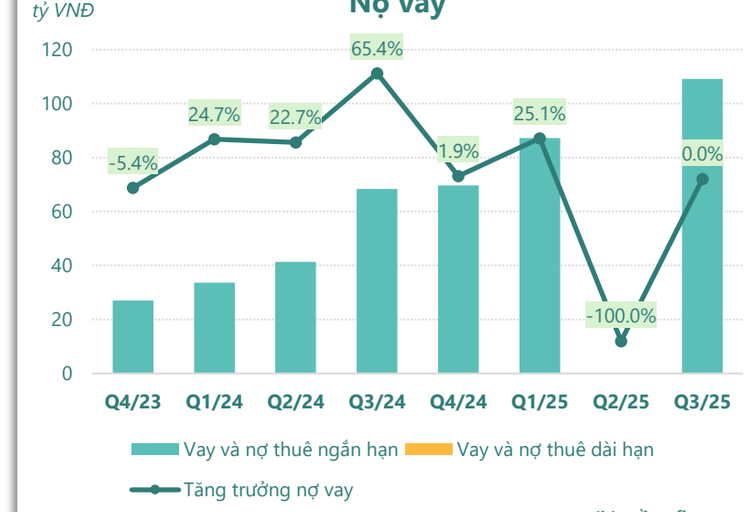
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

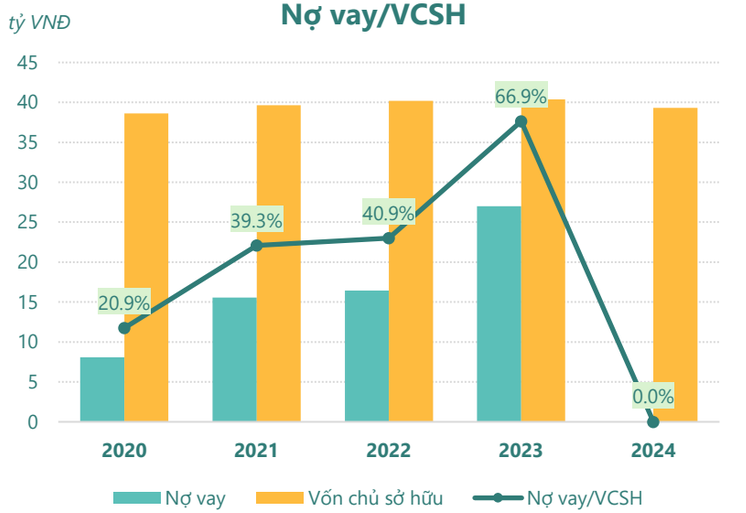
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



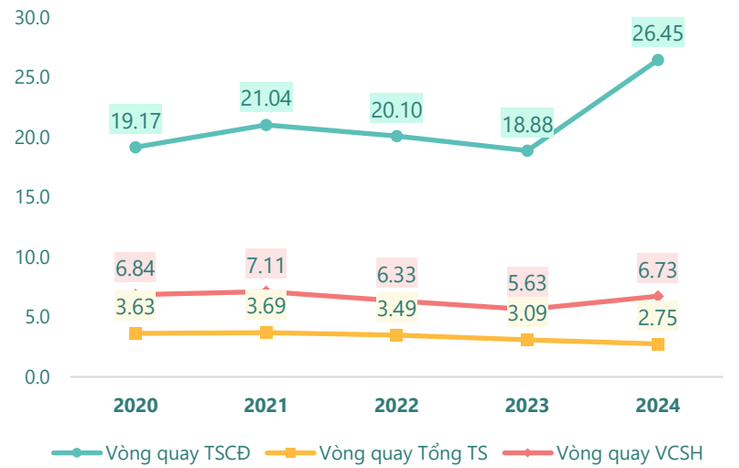
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



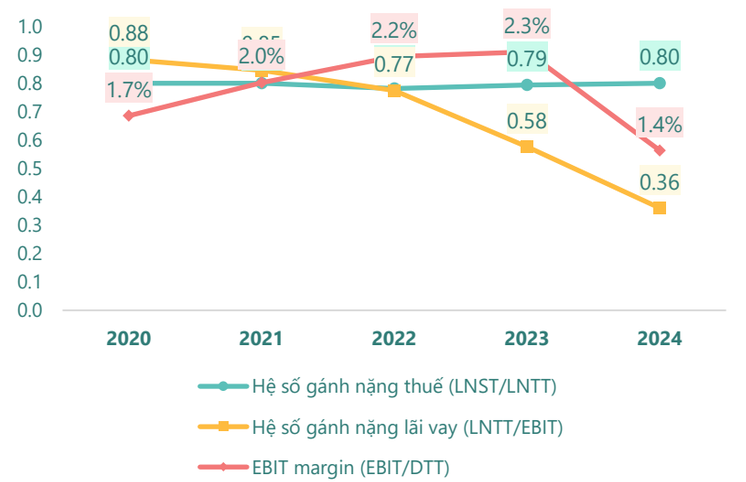
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



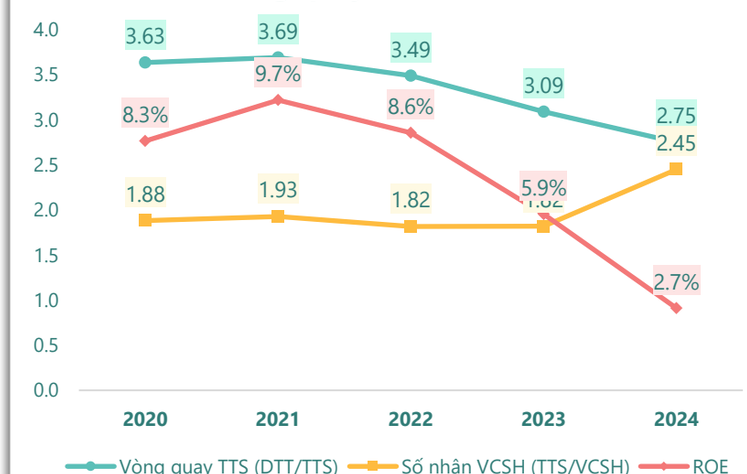
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



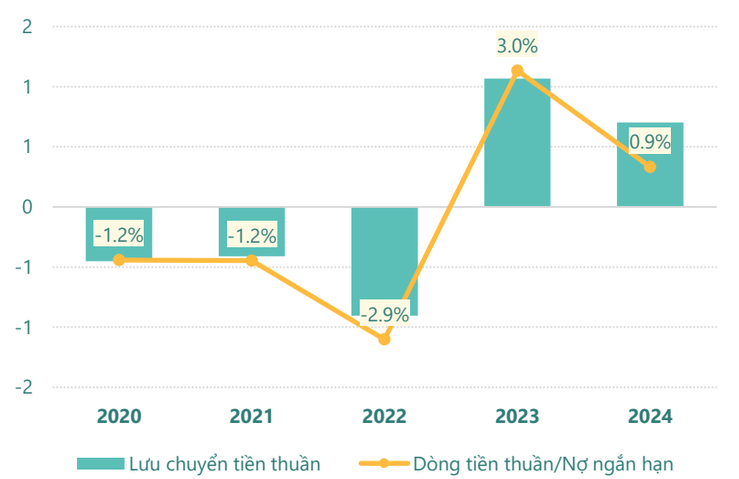
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**67.4**	**51.9**	**29.8%**	**266**	**208**	**27.9%**
Giá vốn hàng bán	62.3	47.7	30.6%	251	196	28.5%
Lợi nhuận gộp	5.08	4.19	21.3%	14.2	12.0	17.8%
Doanh thu HĐTC	0.29	0.18	62.1%	0.96	0.48	102%
Chi phí TC	1.12	0.68	64.9%	3.06	1.60	91.3%
Chi phí lãi vay	1.12	0.68	64.9%	3.06	1.60	91.4%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	2.47	2.17	13.6%	7.25	6.70	8.2%
Chi phí QLDN	**1.78**	**1.29**	**38.3%**	**4.59**	**3.34**	**37.6%**
LN thuần từ HĐKD	0.00	0.24	-98.8%	0.25	0.89	-72.0%
Lợi nhuận khác	**0.21**	**0.06**	**258%**	**0.53**	**0.25**	**114%**
LN trước thuế	0.22	0.30	-27.5%	0.78	1.14	-31.4%
Lợi nhuận sau thuế	**0.17**	**0.24**	**-27.6%**	**0.62**	**0.91**	**-31.6%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.17**	**0.24**	**-27.6%**	**0.62**	**0.91**	**-31.6%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-5.11	-7.29	1.09	-20.0	25.4	-38.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.18	-20.1	-2.61	-0.97	-34.6	27.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	5.60	26.9	1.32	17.5	13.1	6.70
Tiền đầu kỳ	5.07	5.75	5.26	5.06	1.66	5.63
Lưu chuyển tiền thuần	**0.67**	**-0.49**	**-0.19**	**-3.40**	**3.97**	**-4.35**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	5.75	5.26	5.06	1.66	5.63	1.28

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**167**	**119**	**40.2%**
Tài sản ngắn hạn	134	91.0	47.6%
Tiền và tương đương tiền	1.28	5.06	-74.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	59.2	14.9	298%
Phải thu ngắn hạn	9.92	27.9	-64.5%
Hàng tồn kho	61.3	42.9	43.1%
Tài sản ngắn hạn khác	2.48	0.24	942%
Tài sản dài hạn	**33.1**	**28.4**	**16.5%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	9.56	8.93	7.0%
Bất động sản đầu tư	16.9	9.77	72.4%
Tài sản dở dang	4.50	7.27	-38.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**2.18**	**2.43**	**-10.3%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	130	80.0	61.8%
Nợ ngắn hạn	**129**	**79.4**	**62.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	109	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	17.2	9.41	82.4%
Nợ dài hạn	0.83	0.64	31.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**37.8**	**39.3**	**-3.9%**
Vốn chủ sở hữu	**37.8**	**39.3**	**-3.9%**
Vốn điều lệ	30.0	30.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)